

Ngân hàng: Lợi nhuận toàn ngành trong Q1/26 dự báo tăng trưởng 20% svck

- TTTD trong Q1/26 dự kiến sẽ chậm hơn svck do chính sách kiểm soát tín dụng theo từng quý và tín dụng vào lĩnh vực BĐS;
- NIM trong Q1/26 dự kiến sẽ duy trì tương đương svck. TTTD dự báo vẫn cao hơn so với TTHĐ khiến tác động gia tăng của LSCV phản ánh nhanh hơn sự gia tăng của chi phí vốn, bù lại TTTD bị siết bởi nhóm BĐS và room toàn hệ thống khiến các hoạt động cho vay có lợi suất cao chậm lại;
- LNST các ngân hàng theo dõi được dự báo sẽ tăng khoảng 20% svck trong Q1/26. Chi phí trích lập dự kiến sẽ tăng 30% svck chủ yếu do nền thấp của năm 2025. Chất lượng tài sản dự kiến sẽ không quá thay đổi so với cuối 2025.

Chúng tôi dự báo LNST toàn ngành trong Q1/26 sẽ tăng khoảng 20% svck

Do tăng trưởng tín dụng Q1/26 bị kiểm soát chặt chẽ hơn, không vượt quá 25% chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cả năm; do đó, MBS Research kỳ vọng dư nợ tín dụng cuối Q1/26 dự kiến tăng khoảng 3% so với đầu năm, thấp hơn mức tăng 3.9% của cùng kỳ năm trước. Trong đó, các ngân hàng nhận chuyển giao bắt buộc dự kiến sẽ có mức TTTD vượt trội hơn do không bị giới hạn tăng trưởng trong quý đầu năm 2026. NIM toàn ngành dự kiến sẽ đi ngang svck, do đó, thu nhập lãi thuần Q1/26 kỳ vọng tăng 14% svck, trong đó các NHTM quốc doanh dự kiến ghi nhận mức tăng trưởng khiêm tốn hơn so với nhóm NHTM tư nhân. Chi phí trích lập dự phòng của các ngân hàng chúng tôi theo dõi dự kiến tăng khoảng 30.1% svck, trong đó nhóm NHTM tư nhân sẽ có mức tăng cao hơn (+47.2% svck) do chất lượng tài sản suy giảm trong năm 2025, cùng với tác động từ NĐ 86/2024 dự kiến vẫn còn. Như vậy, LNST trong Q1/26 của các ngân hàng MBS Research theo dõi kỳ vọng tăng ~20% svck.

NIM được duy trì tương đương svck khi tín dụng kiểm soát chặt trong Q1/26

Trong bối cảnh mục tiêu TTTD năm 2026 của NHNN là 15-16%, thấp hơn mức TTTD của năm trước, trong khi nhu cầu tín dụng phục hồi, chúng tôi kỳ vọng mặt bằng lãi suất cho vay trung bình của các ngân hàng sẽ có xu hướng tăng so với năm trước. Dư nợ cho vay trung dài hạn tăng đáng kể hơn so với các khoản vay ngắn hạn trong năm 2025 cùng với mặt bằng LSCV cao hơn của các khoản vay mới dự kiến sẽ đẩy LSCV trung bình trong năm 2026 cao hơn so với 2025, bù đắp sự gia tăng của lãi suất huy động giúp NIM không giảm svck trong năm 2026. Trong Q1/26, chúng tôi dự báo NIM sẽ duy trì tương đương svck. Sự gia tăng của lãi suất huy động được bù đắp bởi mặt bằng LSCV cao hơn, cùng với việc tăng huy động chậm hơn tăng tín dụng khiến chi phí vốn phản ánh chậm hơn tác động từ việc tăng lãi suất huy động.

Duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN và lựa chọn CTG, ACB, VPB

Chúng tôi duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN đối với toàn ngành nhờ định giá điều chỉnh về vùng thấp so với trung bình 1 năm trong khi triển vọng tăng trưởng lợi nhuận vẫn quanh mức 20%. Chúng tôi cho rằng nhóm ngân hàng có một trong những đặc điểm dưới đây sẽ diễn biến khả quan hơn so với toàn ngành: 1) Được cấp hạn mức tín dụng cao hơn so với toàn ngành (nhóm NH nhận chuyển giao bắt buộc) hoặc không có tỷ trọng BĐS cao hoặc vẫn được hỗ trợ bởi thúc đẩy đầu tư công; 2) Chất lượng tài sản cải thiện đáng kể giúp tiết giảm chi phí trích lập trước áp lực gia tăng nợ xấu do room tín dụng hạn chế hơn; 3) Ngân hàng có quy mô lớn có thể cho vay các gói lớn và sở hữu lợi thế về chi phí vốn, từ đó gia tăng cạnh tranh tín dụng.

Chuyên viên phân tích

Đình Công Luyên

Luyen.dinhcong@mbs.com.vn

Phạm Thị Thanh Hoàng

Huong.phamthithanh@mbs.com.vn

Dự báo LNST Q1/26 các ngân hàng MBS Research theo dõi

STT	Mã CP	Dự báo tăng trưởng LNST				Nhận xét
		Q1/26	% svck	2026F	% svck	
1	ACB	4,324	17.6%	18,070	15.6%	TTTT trong Q1/26 được dự báo sẽ đạt trên 3%, tương đương svck. Với room tín dụng hiện tại khoảng 12% và kiểm soát tín dụng trong Q1/26 không vượt quá 25% tổng room tín dụng cả năm. NIM được dự báo sẽ hồi phục nhẹ lên mức 3.0% so với 2.9% cùng kỳ 2025. Lãi suất cho vay dự kiến sẽ nhích nhẹ theo lãi suất huy động nhờ các khoản vay bắt đầu thả nổi lãi suất và khoản vay mới với LSCV cao hơn. Chi phí trích lập dự phòng dự kiến sẽ tăng 50% svck do NĐ 86/2024 nhưng vẫn giảm mạnh so với quý trước.
2	BID	7,574	27.2%	35,145	15.3%	Chúng tôi cho rằng TTTD trong Q1/26 của BID đạt khoảng 1.8%, tăng thấp hơn svck do hạn mức tín dụng của BID năm 2026 thấp hơn mức 15% của cùng kỳ. Chúng tôi kỳ vọng NIM theo năm trong Q1/26 của BID tiếp tục cải thiện svck nhờ mặt bằng lãi suất cho vay bình quân cao hơn, trong khi chi phí vốn vẫn được duy trì ở mức thấp, từ đó giúp thu nhập lãi thuần tăng khoảng 30% svck. Thu nhập ngoài lãi kỳ vọng tăng khoảng 9% svck chủ yếu được thúc đẩy bởi tăng trưởng thu phí thuần và chứng khoán kinh doanh. Chúng tôi kỳ vọng chi phí tín dụng Q1/26 đạt khoảng 1%, chi phí trích lập dự phòng đạt khoảng 5.7 nghìn tỷ. Lợi nhuận sau thuế Q1/26 kỳ vọng đạt 7,574 tỷ đồng, tăng 27.2% svck và đạt 21% dự phóng cả năm của MBS Research.
3	CTG	6,487	18.0%	40,825	17.1%	TTTT bị hạn chế bởi room tín dụng, do đó được dự báo chỉ đạt khoảng 3% trong Q1/26. Chúng tôi cho rằng phần lớn room sẽ đến từ các hoạt động cho vay KHDN như FDI và xây dựng hạ tầng khi tín dụng vào BĐS bị kiểm soát. Cho vay KHCN do đó cũng chậm hơn so với KHDN. NIM được dự báo sẽ duy trì ở mức 2.6%, tương đương với Q1/25. Chi phí trích lập có xu hướng cao trong quý đầu năm cùng với tác động từ NĐ 86, do đó chúng tôi ước tính chi phí này sẽ tăng khoảng 10% svck trên nền cao của năm trước. LNST dự báo trong Q1/26 nêu trên chưa bao gồm khoản LN bất thường có thể có đến từ việc chuyển nhượng dự án Vietinbank Tower.
4	EIB	792	20.4%	2,950	159.5%	KQKD Q1/26 của EIB dự kiến sẽ khả quan svck chủ yếu nhờ NIM tăng dù TTTD dự báo sẽ kém hơn khi chỉ đạt 3% so với đầu năm (Q1/25: TTTD đạt 9.2% so với đầu năm). NIM dự báo sẽ đi ngang so với quý trước, đạt 2.6% và tăng khoảng 36 điểm cơ bản svck. Chi phí trích lập dự phòng dự báo sẽ tăng cao do vẫn bị tác động của NĐ 86 và nền thấp của năm trước. Tuy nhiên, LNST vẫn dự kiến tăng ~20% svck.
5	HDB	5,599	28.5%	22,123	29.7%	TTTT cả năm 2026 dự báo đạt khoảng 30%. Do đó, chúng tôi ước TTTD quý đầu năm có thể đạt khoảng 7%. Nhóm KHDN và SME vẫn sẽ là động lực chính cho TTTD. NIM được dự báo sẽ nhích nhẹ so với Q4/25 và tăng khoảng 30 điểm svck chủ yếu do nền thấp của năm trước. Chi phí trích lập dự báo sẽ tăng gấp đôi svck do chất lượng tài sản suy giảm đáng kể trong năm 2025 có thể gia tăng áp lực trích lập nhằm kiểm soát nợ xấu dưới 2%.
6	LPB	2,937	15.9%	13,349	16.9%	Chúng tôi dự báo TTTD của LPB trong Q1/26 sẽ đạt khoảng 3.5% với giả định TTTD cả năm 2026 ở mức ~14%. NIM được dự báo duy trì ở mức 3.4%, tương đương với Q4/25 giúp thu nhập lãi thuần tăng khả quan (cùng kỳ 2025, tín dụng giảm 3.3% so với đầu năm cùng với NIM giảm xuống 2.6%). Chi phí trích lập trong quý dự kiến sẽ tương đương quý cuối năm 2025 do chất lượng tài sản không có quá nhiều cải thiện.
7	OCB	851	19.5%	4,618	14.6%	TTTT cả năm 2026 được dự báo sẽ tương đương với năm 2025, đạt mức 15%. Do đó, TTTD trong Q1/26 dự kiến ở mức 3.9%. NIM cũng dự báo sẽ duy trì ở mức 3.2% do áp lực cạnh tranh từ các ngân hàng lớn vẫn còn cao khiến lãi suất cho vay khó tăng cao hơn so với huy động. Thu nhập ngoài lãi thuần tăng khả quan chủ yếu do nền thấp của năm trước, thu phí phục hồi khả quan theo đà tăng của tín dụng. Chi phí trích lập dự kiến sẽ tăng mạnh do chất lượng tài sản vẫn chưa cho thấy dấu hiệu phục hồi.

8	STB	1,995	-31.1%	6,406	7.9%	LNST Q1/26 giảm mạnh svck chủ yếu do NIM suy giảm khi không còn ghi nhận các khoản phải thu từ việc cơ cấu các khoản nợ xấu VAMC và KCN Phong Phú. TTTD dự kiến đạt mức 3.0% với giả định TTTD cả năm 2026 ở mức ~12%. Chi phí trích lập tăng mạnh svck do cùng kỳ do nền thấp của năm trước khi ghi nhận các khoản hoàn nhập lớn từ việc bán đấu giá thành công và thu hồi nợ của KCN Phong Phú.
9	TCB	6,794	13.0%	30,241	16.5%	TTTD Q1/26 dự báo đạt 3.3%, thấp hơn svck do chính sách kiểm soát tín dụng vào lĩnh vực BĐS. Huy động dự kiến sẽ nhỉnh hơn TTTD khi đạt mức 4.0% với tỷ lệ CASA duy trì quanh mức 40% (bao gồm cả Auto earnings). NIM dự báo sẽ đi ngang so với 2025 ở mức 3.8%. Thu nhập ngoài lãi thuần dự kiến vẫn sẽ tiếp tục được hỗ trợ bởi thu phí và đi ngang svck. Chi phí trích lập dự kiến sẽ đi ngang svck do tỷ lệ trích lập tương đương với quý cuối năm 2025.
10	TPB	2,063	22.3%	8,556	15.9%	Chúng tôi cho rằng TTTD trong Q1/26 của TPB đạt khoảng 2.5%, tăng thấp hơn svck. Chúng tôi kỳ vọng NIM theo năm trong Q1/26 của TPB vẫn thấp hơn svck do mặt bằng lãi suất huy động tăng cao và khá cạnh tranh trong nhóm NHTM tư nhân vừa và nhỏ. Chúng tôi kỳ vọng thu nhập lãi thuần có thể cải thiện khoảng 16% svck, cao hơn mức tăng trưởng thu ngoài lãi. Chúng tôi kỳ vọng tỷ lệ nợ xấu của TPB có thể tăng so với cuối năm 2025, nhưng vẫn thấp hơn so với cùng kỳ. Chúng tôi kỳ vọng chi phí trích lập dự phòng trong Q1/26 sẽ đạt khoảng 600 tỷ đồng, cao hơn 19% svck do chi phí tín dụng cùng kỳ năm trước ở mức thấp. Lợi nhuận sau thuế Q1/26 kỳ vọng đạt 2,138 tỷ đồng, tăng 27% svck và đạt 24% dự phóng cả năm của MBS Research.
11	VCB	10,007	15.0%	40,126	14.0%	TTTD trong Q1/26 của VCB kỳ vọng đạt khoảng 1.6% so với đầu năm, vẫn chủ yếu được thúc đẩy bởi cho vay doanh nghiệp. Chúng tôi kỳ vọng NIM theo năm trong Q1/26 của VCB có thể cải thiện so với cùng kỳ nhờ mặt bằng lãi suất cho vay bình quân tăng trở lại và VCB sở hữu lợi thế chi phí vốn thấp. Chúng tôi kỳ vọng thu nhập lãi thuần Q1/26 có thể cải thiện khoảng 20% svck. Chúng tôi kỳ vọng tỷ lệ nợ xấu của VCB có thể tăng nhẹ so với cuối năm 2025. Chúng tôi kỳ vọng chi phí trích lập dự phòng trong Q1/26 sẽ đạt khoảng 886 tỷ đồng, cao hơn 14% svck. Lợi nhuận sau thuế Q1/26 kỳ vọng đạt 10,007 tỷ đồng, tăng 15% svck và đạt 25% dự phóng cả năm của MBS Research.
12	VIB	2,461	27.1%	9,320	27.9%	TTTD cả năm 2026 dự báo đạt 15-16%, do đó tín dụng trong Q1/26 dự báo đạt khoảng 4%. Tín dụng DN vẫn được kỳ vọng sẽ dẫn dắt tổng tín dụng trong quý đầu năm 2026 trong khi tín dụng bán lẻ vẫn chủ yếu sẽ được thúc đẩy bởi cho vay mua nhà, bị kiểm soát chặt chẽ hơn. NIM được kỳ vọng sẽ duy trì ở mức 3.1% nhờ các khoản vay mua nhà hết hạn ưu đãi đẩy mặt bằng lãi suất cho vay cá nhân nhỉnh hơn. NIM đã có dấu hiệu tạo đáy kể từ Q3/25 và không có xu hướng giảm thêm trong 6 tháng cuối năm 2025. Huy động vẫn thấp và nguồn vốn vẫn phụ thuộc chủ yếu vào thị trường liên ngân hàng cũng như các khoản vay offshore, giúp chi phí vốn tạm thời chưa bắt kịp lãi suất cho vay. Nhờ chất lượng tài sản đã cho thấy dấu hiệu cải thiện đáng kể nên chi phí trích lập được dự báo sẽ giảm mạnh 56.2% svck trong Q1/26.
13	VPB	6,388	62.3%	33,149	36.1%	Chúng tôi cho rằng TTTD trong Q1/26 của VPB đạt khoảng 7.5%, tăng trưởng tích cực hơn mức tăng của cùng kỳ trong bối cảnh tín dụng chung của hệ thống ngân hàng bị hạn chế hơn so với cùng kỳ. Chúng tôi kỳ vọng NIM theo năm trong Q1/26 của VPB thấp hơn svck trong bối cảnh lãi suất huy động tăng cao. Chúng tôi kỳ vọng thu nhập lãi thuần Q1/26 có thể cải thiện khoảng 34% svck. Chúng tôi kỳ vọng tỷ lệ nợ xấu của VPB có thể tăng nhẹ so với cuối năm 2025. Chúng tôi kỳ vọng chi phí trích lập dự phòng trong Q1/26 sẽ đạt khoảng 7300 tỷ đồng, cao hơn 10% svck. Lợi nhuận sau thuế Q1/26 kỳ vọng đạt 6,388 tỷ đồng, tăng 62% svck và đạt 20% dự phóng cả năm của MBS Research.

Nguồn: MBS Research dự báo

Dự báo KQKD Q1/26 và cả năm 2026

Chúng tôi điều chỉnh dự báo TTTD cả năm 2026 xuống còn 15-16%

Tính đến hết tháng 2/2026, TTTD toàn ngành đạt 1.4% so với đầu năm, cao hơn mức 0.71% so với đầu năm của cùng kỳ năm trước. Nhóm NHTMCP vẫn có mức tăng tín dụng cao hơn so với nhóm NHTM quốc doanh (SOCBs). Tính đến cuối 2025, dư nợ nhóm ngân hàng quốc doanh tăng trưởng 15.4% so với đầu năm, trong khi dư nợ nhóm NHTM tư nhân tăng khả quan hơn, ở mức 22.2% so với đầu năm. Tốc độ tăng tín dụng của nhóm NHTM quốc doanh có xu hướng tăng mạnh trong quý cuối năm do động lực từ các dự án đầu tư công được thúc đẩy nhằm hoàn thành KH cả năm. Tín dụng KHDN vẫn tiếp tục là động lực chính trong 2 tháng đầu năm 2026 khi các hoạt động cho vay nhóm KHCCN bị ảnh hưởng tiêu cực bởi chính sách quản lý tín dụng chặt chẽ vào lĩnh vực cho vay BĐS.

Trong năm 2026, chúng tôi hạ dự báo TTTD toàn ngành xuống 16% theo định hướng mới của NHNN và điều chỉnh dự báo tín dụng đối với các hoạt động sản xuất và xuất khẩu. Tín dụng doanh nghiệp vẫn được kỳ vọng sẽ dẫn dắt chính tín dụng của toàn ngành trong năm 2026, trong đó hoạt động xây dựng hạ tầng và các chuỗi cung ứng liên quan, dự kiến sẽ được đẩy mạnh tín dụng cao hơn so với năm 2025 khi mà bức tranh cho vay KHCCN liên quan đến tiêu dùng và cho vay mua nhà vẫn còn nhiều thách thức. Những biến động của địa chính trị toàn cầu sau xung đột Iran-Israel hiện tại chưa có dấu hiệu hạ nhiệt có thể khiến chi phí đội lên đáng kể và sẽ là một trở ngại cho việc mở rộng các hoạt động sản xuất và xuất khẩu trong nửa đầu năm 2026.

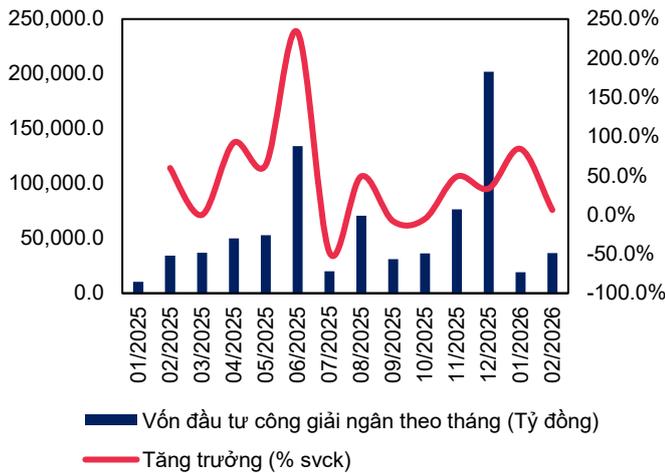
Đối với lĩnh vực cho vay BĐS, tổng dư nợ cho vay BĐS tại cuối 2025 đạt hơn 4.74 triệu tỷ đồng, tăng 36.2% so với đầu năm, chiếm hơn 25% tổng dư nợ toàn ngành. Trong đó, cho vay KD BĐS đạt hơn 2.16 triệu tỷ đồng, chiếm hơn 45.5% tổng dư nợ cho vay trong lĩnh vực này. Cho vay tài trợ dự án dự kiến sẽ chậm do không phải lĩnh vực ưu tiên và nguồn cung chủ yếu tập trung vào phân khúc cao cấp và hạng sang. Cho vay mua nhà dự kiến cũng sẽ chậm lại đáng kể do lãi suất cho vay tăng nhanh cùng với việc kiểm soát tín dụng vào lĩnh vực cho vay BĐS không được vượt quá tổng tín dụng.

Bên cạnh nhóm ngân hàng nhận chuyển giao bắt buộc các ngân hàng 0 đồng được cấp room tín dụng cao hơn mặt bằng toàn ngành, chúng tôi cho rằng các ngân hàng có những yếu tố sau sẽ có mức TTTD tốt hơn so với toàn ngành trong nửa đầu năm 2026:

- Danh mục cho vay KHDN không thuộc lĩnh vực BĐS có tỷ trọng lớn. Các ngân hàng có quy mô lớn sẽ có lợi thế trong việc cho vay mở rộng SXKD và xuất nhập khẩu.
- Sở hữu lợi thế về chi phí vốn như nhóm ngân hàng quốc doanh hoặc CASA cao như TCB, MBB.

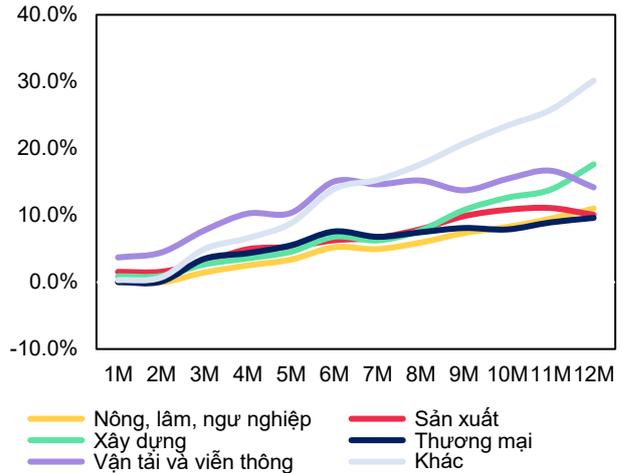
Với định hướng TTTD của quý đầu năm 2026 không được vượt quá 25% tổng room tín dụng được cấp, chúng tôi dự báo mức TTTD toàn ngành sẽ đạt quanh mức 3% trong Q1/26.

Hình 1: Tình hình thực hiện đầu tư công



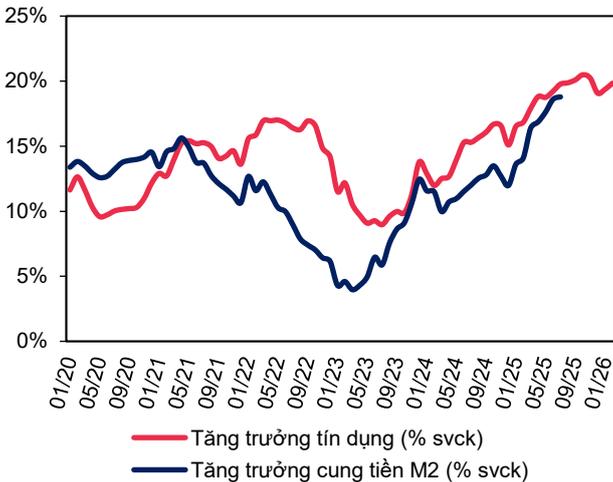
Nguồn: Bộ tài chính, MBS Research

Hình 2: Tăng trưởng tín dụng cả năm 2025



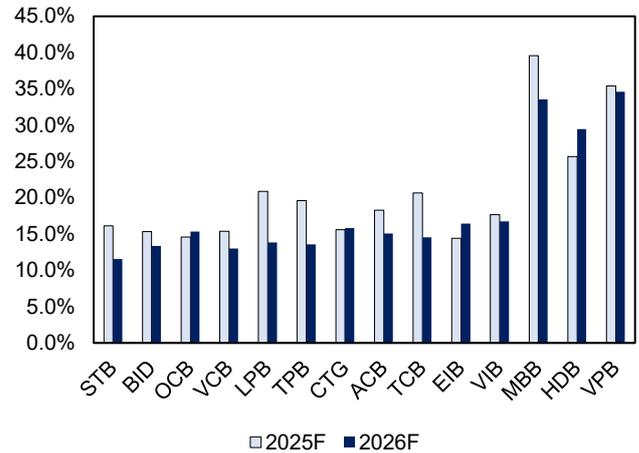
Nguồn: NHNN, MBS Research

Hình 3: TTTD và TTHĐ toàn hệ thống (% svck)



Nguồn: NHNN, MBS Research

Hình 4: Dự báo TTTD 2026 của các NHNY MBS Research theo dõi



Nguồn: Các NHNY, MBS Research

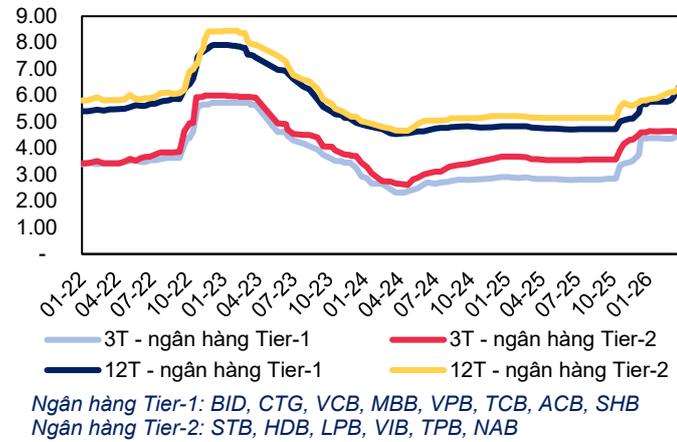
Tăng trưởng huy động dự kiến vẫn sẽ chậm hơn so với TTTD trong Q1/26 dù lãi suất huy động tăng nhanh

Tính đến cuối T2/2026, tổng huy động ghi nhận giảm 0.28% so với cuối năm 2025 (cùng kỳ tăng nhẹ 0.04% so với đầu năm), tiếp tục tăng trưởng chậm hơn so với tăng trưởng huy động dù lãi suất huy động tiếp tục tăng so với cuối năm 2025. Chênh lệch giữa tăng trưởng huy động và tín dụng tiếp tục đẩy lãi suất huy động lên cao, đặc biệt tại nhóm ngân hàng quy mô vừa và nhỏ, từ đó ảnh hưởng đến mặt bằng lãi suất cho vay trung bình toàn ngành trong nửa đầu năm 2026.

TTTD liên tục cao hơn so với TTHĐ trong 2 năm nói lỏng tiền tệ khiến áp lực thanh khoản của toàn hệ thống căng thẳng. Lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức cao và có lúc vọt lên trên 17% cho thấy áp lực thanh khoản lớn khi huy động của toàn hệ thống vẫn khá khó khăn. Áp lực tỷ giá cùng với tăng trưởng tín dụng cao đi kèm với diễn biến tích cực của thị trường tài sản như vàng, chứng khoán khiến huy động tiền gửi trong dân cư bị chậm đi. Chúng tôi dự báo xu hướng này vẫn sẽ tiếp diễn trong 6T26 dù lãi suất huy động đã có mức tăng rất nhanh và vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại. Các ngân hàng dự kiến sẽ tiếp tục

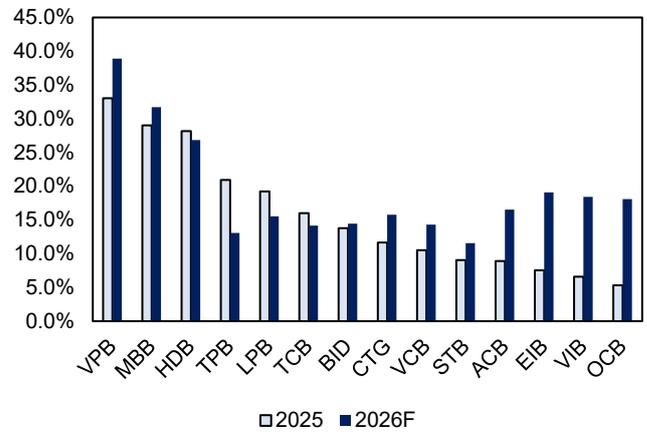
đẩy mạnh lãi suất huy động nhằm bù đắp thanh khoản cho các khoản vay trung dài hạn khi không thể phụ thuộc quá nhiều vào thị trường liên ngân hàng.

Hình 5: Lãi suất huy động tăng trở lại từ tháng 10/2025 và tăng mạnh trong tháng 3 trong bối cảnh huy động đi lùi trong 2 tháng đầu năm



Nguồn: Các NHTM, MBS Research

Hình 6: Chúng tôi kỳ vọng các ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh huy động để đảm bảo thanh khoản trong năm 2026



Nguồn: Các NHNY, MBS Research

Chúng tôi dự báo NIM 2026 sẽ duy trì tương đương 2025

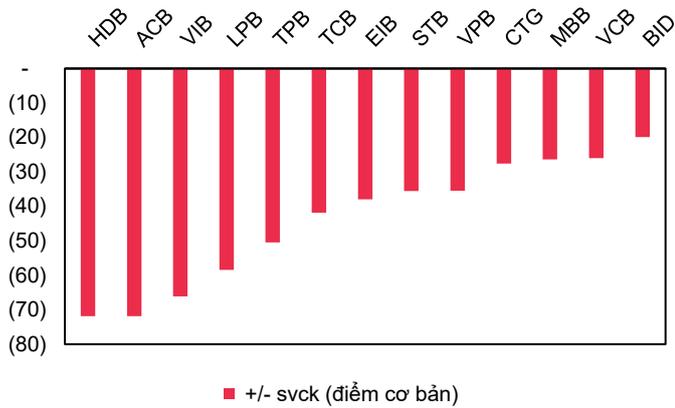
NIM trong năm 2025 ghi nhận giảm ở hầu hết các NHNY do nền lãi suất cho vay giảm sâu svck. NIM toàn ngành ghi nhận ở mức 3.1%, giảm 32 điểm cơ bản svck. Tín dụng được thúc đẩy chủ yếu bởi nhóm KHDN cùng với tình hình cạnh tranh gay gắt của các ngân hàng khiến lãi suất cho vay duy trì ở mức thấp trong suốt cả năm. Chi phí huy động trong năm 2025 gần như đi ngang svck và nhích nhẹ ở một số ngân hàng có huy động thấp khiến NIM khó tăng lên.

Lãi suất huy động của hầu hết ngân hàng tăng trở lại từ tháng 10/2025 và tiếp tục xu hướng sang năm 2026 do nhu cầu tín dụng cao. Lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng chúng tôi theo dõi tăng khoảng 60 điểm cơ bản so với cuối năm 2025. Đặc biệt, lãi suất huy động ở nhóm ngân hàng nhận chuyển giao bắt buộc và ngân hàng quy mô nhỏ ghi nhận tăng nhanh liên tục để đáp ứng nhu cầu tín dụng cao và giảm áp lực thanh khoản do chênh lệch giữa tín dụng và huy động. Theo quan sát của chúng tôi, mức lãi suất ưu đãi ở các kỳ hạn 6 tháng – 12 tháng đối với khoản tiền gửi lớn vượt mức 8% tại một số ngân hàng. Chúng tôi cho rằng trong nửa đầu năm 2026, lãi suất huy động sẽ tiếp tục tăng, trong đó, lãi suất huy động nhóm NHTM tư nhân có thể tăng 200-250 điểm cơ bản so với cuối năm 2025, trong khi nhóm SOCBs tăng nhẹ hơn khoảng 100-150 điểm cơ bản.

Cơ cấu danh mục cho vay toàn ngành chứng kiến sự tăng lên đáng kể hơn từ các khoản vay trung dài hạn so với cho vay ngắn hạn. Nợ trung hạn và dài hạn tại cuối 2025 tăng lần lượt 27.3% và 26.5% so với đầu năm trong khi nợ ngắn hạn toàn ngành chỉ tăng 14.0% so với đầu năm. Do đó, chúng tôi kỳ vọng mặt bằng lãi suất trong năm 2026 sẽ cao hơn so với năm 2025 nhờ tác động từ lãi suất thả nổi của các khoản vay trung dài hạn cùng như mặt bằng LSCV mới cao hơn. Trong nửa đầu năm 2026, lãi suất cho vay gặp áp lực từ việc kiểm soát tín dụng toàn ngành và vào lĩnh vực BĐS nhưng được bù đắp bởi tác động của việc huy động chậm, khiến chi phí vốn tạm thời chưa phản ứng với mặt bằng lãi suất huy động cao hơn. Nửa cuối năm 2026, chúng tôi cho rằng các ngân hàng sẽ đẩy mạnh huy động nhằm bù đắp thanh khoản tích cực hơn nhưng đồng thời lãi suất cho vay cũng sẽ nhích dần theo đà tăng của lãi suất huy động. Nhìn chung, NIM toàn ngành trong năm 2026 sẽ tương đương so với 2025.

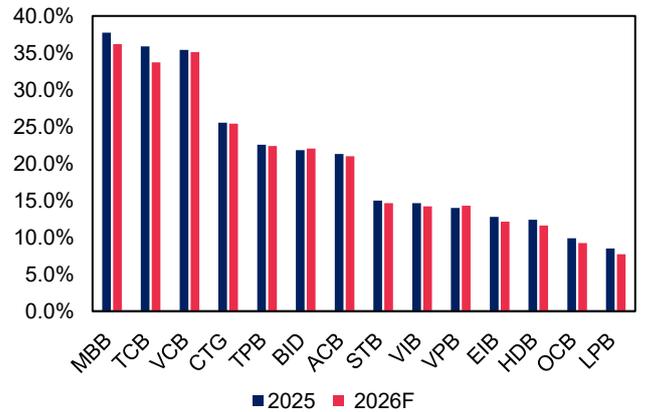
Chúng tôi dự báo NIM của nhóm NHTMCP có quy mô lớn sẽ duy trì hoặc cải thiện tốt hơn so với nhóm NHTM quốc doanh và nhóm NHTMCP vừa và nhỏ do (i) có mức gia tăng lãi suất cho vay tốt hơn theo lãi suất thị trường và không bị những hạn chế trong việc điều tiết chi phí vốn cho những dự án hạ tầng lớn; (ii) sở hữu chi phí vốn thấp hơn so với các ngân hàng có quy mô nhỏ hơn và khả năng cho vay những deal lớn, dễ dàng tiếp cận các khoản vay trung hạn trong những lĩnh vực liên quan đến xây dựng hạ tầng và sản xuất kinh doanh. Những ngân hàng có tỷ trọng cho vay bán lẻ lớn và liên quan nhiều đến hoạt động kinh doanh BĐS được dự báo sẽ khó tăng NIM hơn khi áp lực trả nợ trước hạn lớn hơn do lãi suất tăng.

Hình 7: Xu hướng giảm NIM diễn ra ở tất cả các ngân hàng chúng tôi theo dõi, trong đó có BID và TCB ghi nhận NIM Q4/25 cải thiện svck



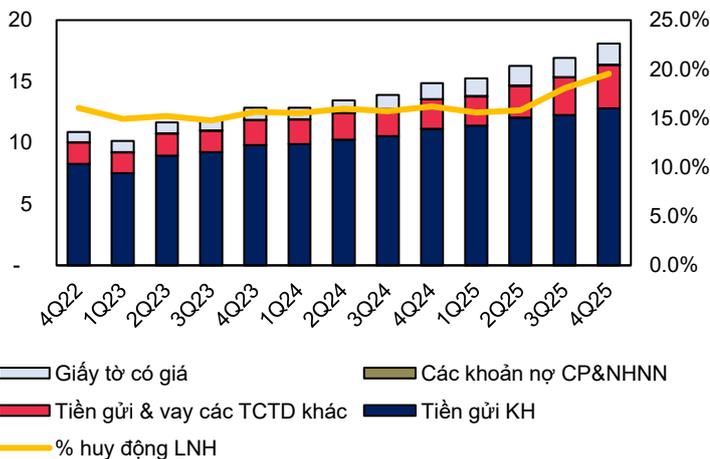
Nguồn: Các NHNY, MBS Research

Hình 8: CASA cuối năm 2025 của hầu hết các ngân hàng MBS Research theo dõi đều giảm svck, chỉ có BID và CTG cải thiện đáng kể



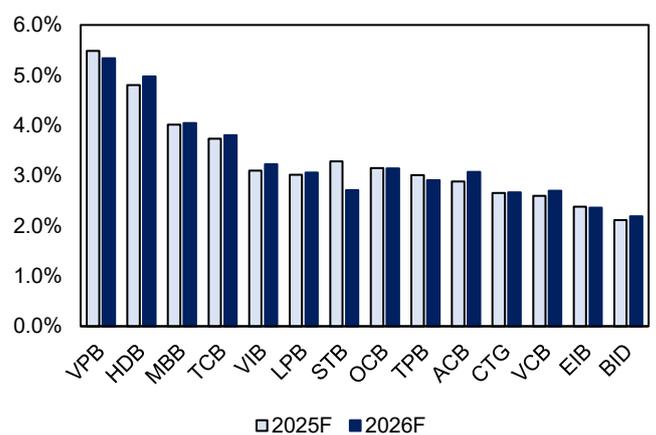
Nguồn: Các NHNY, MBS Research

Hình 9: Cơ cấu nguồn vốn toàn ngành phụ thuộc nhiều vào thị trường liên ngân hàng khi huy động yếu trong năm 2025



Nguồn: Các NHNY, MBS Research

Hình 10: Dự báo NIM 2026 của các NHNY theo dõi



Nguồn: Các NHNY, MBS Research

Áp lực trích lập sẽ không tăng so với năm 2025

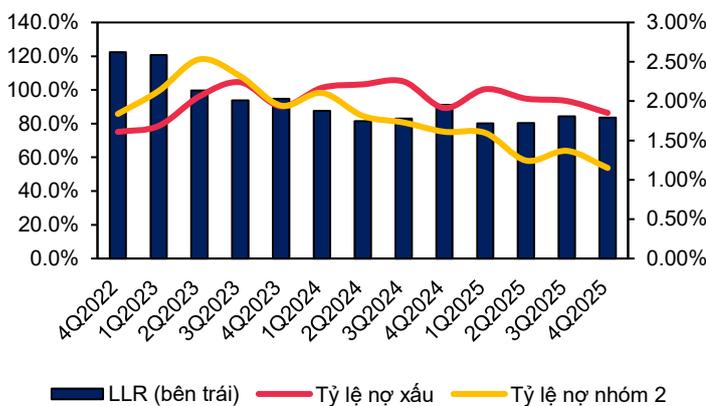
Tổng quan, chất lượng tài sản toàn ngành có sự cải thiện đáng kể so với đầu năm 2025. Tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ nợ nhóm 2 toàn ngành tại 2025 đạt lần lượt 1.85% và 1.15%, giảm lần lượt 6 và 46 điểm cơ bản so với cuối năm 2024. Tỷ lệ nợ xấu ghi nhận cải thiện nhẹ ở cả 2 nhóm ngân hàng tư nhân và quốc doanh. Mức gia tăng nợ xấu có dấu hiệu giảm dần rõ rệt theo từng quý. Tổng dư nợ nhóm 2 và nợ xấu ghi nhận tăng 16.8% svck trong Q1/25 sau đó cải thiện dần và ghi nhận giảm 3.9% trong quý cuối năm 2025. TTTD khả quan cùng với việc

tích cực trích lập và xử lý nợ xấu là những yếu tố chính giúp chất lượng tài sản toàn ngành cải thiện đáng kể. Những ngân hàng có mức tăng tín dụng tốt như VPB, TCB, MBB hay CTG có mức cải thiện chất lượng tài sản tốt hơn so với toàn ngành. Tuy nhiên, xếp hạng về CLTS của toàn ngành không có quá nhiều thay đổi khi các ngân hàng như VCB, ACB, TCB hay CTG vẫn vượt trội so với toàn ngành.

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu toàn ngành vẫn quanh mức 83% dù chất lượng tài sản đã cải thiện do các ngân hàng đã tích cực dùng bộ đệm dự phòng nhằm xử lý nợ xấu. Thu nhập từ nguồn xử lý nợ xấu ghi nhận tăng hầu hết ở các ngân hàng theo dõi, bổ sung một nguồn thu ngoài lãi đáng kể cho toàn ngành. Tỷ lệ trích lập dự phòng của toàn ngành giảm xuống mức 1.5% trong năm 2025 so với mức 1.7% của năm trước, phần lớn do tín dụng tăng tích cực dù chi phí trích lập toàn ngành ghi nhận tăng 9.0% svck.

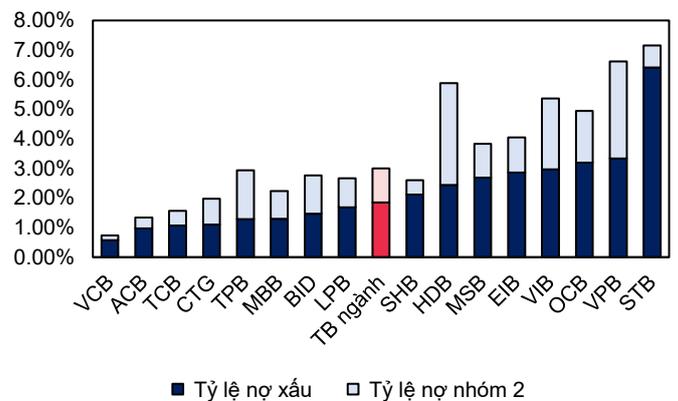
Trong năm 2026, chúng tôi cho rằng chất lượng tài sản toàn ngành sẽ không biến động nhiều so với 2025. Việc kiểm soát tín dụng vào hoạt động cho vay BĐS cùng với lãi suất cho vay gia tăng có thể khiến áp lực đảo nợ từ nhóm KD BĐS và cho vay mua nhà lớn hơn trong năm 2026, tạo áp lực gia tăng nợ xấu. Tuy nhiên, chất lượng tài sản cải thiện trong năm 2025 giúp các ngân hàng tạm thời chưa gia tăng trích lập trong năm 2026 cho các khoản nợ mới. Chúng tôi kỳ vọng tỷ lệ trích lập vẫn sẽ duy trì ở mức 1.5% toàn ngành nhằm duy trì tỷ lệ NPL dưới 2% cho toàn ngành. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu dự kiến vẫn sẽ duy trì trên mức 80% trong năm 2026.

Hình 11: Chất lượng tài sản toàn ngành (%)



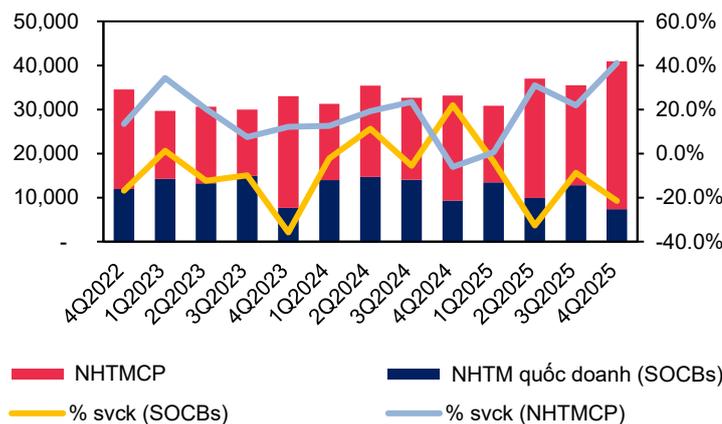
Nguồn: Các NHNY, MBS Research

Hình 12: Chất lượng tài sản các ngân hàng niêm yết tại cuối 2025 (%)



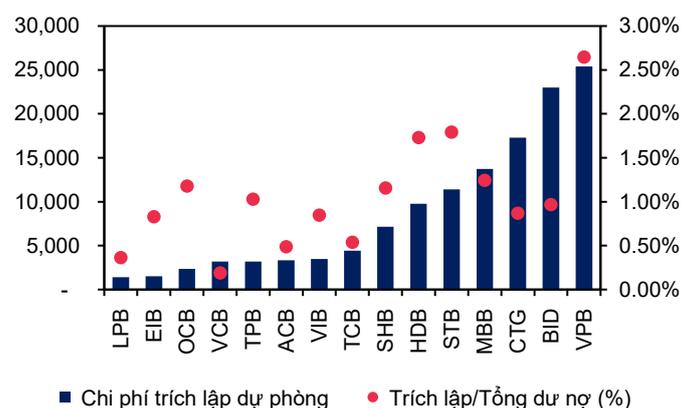
Nguồn: Các NHNY, MBS Research

Hình 13: Diễn biến trích lập theo từng nhóm ngân hàng theo quý (tỷ đồng, %)



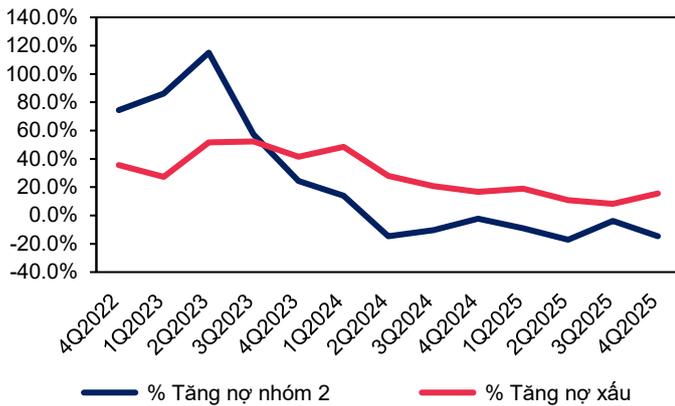
Nguồn: Các NHNY, MBS Research

Hình 14: Tình hình trích lập của các NHNY trong năm 2025 (%), (tỷ đồng)



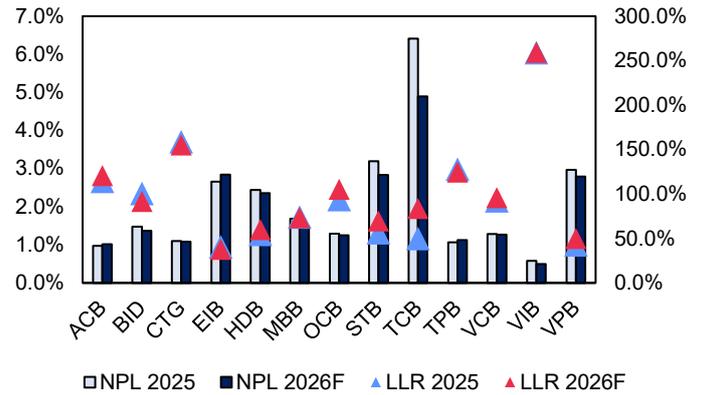
Nguồn: Các NHNY, MBS Research

Hình 15: Tình hình gia tăng nợ xấu và nợ nhóm 2 toàn ngành



Nguồn: Các NHNY, MBS Research

Hình 16: Dự báo nợ xấu và LLR của các NHNY 2026



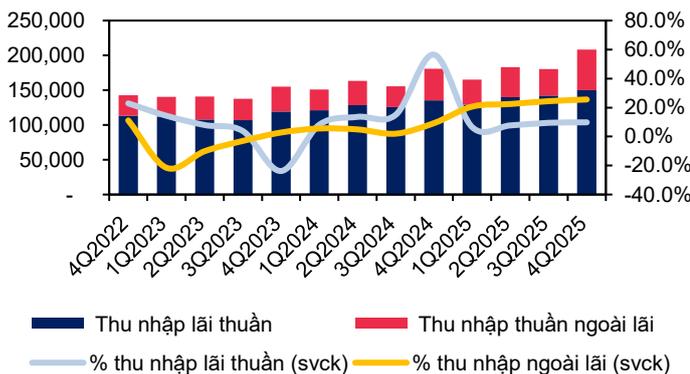
Nguồn: Các NHNY, MBS Research

Chúng tôi ước tính LN của các NHNY theo dõi tăng 19.9% trong năm 2026

Tổng thu nhập hoạt động toàn ngành tăng 13.3% svck trong năm 2025 trong đó thu nhập lãi thuần và thu nhập ngoài lãi thuần tăng lần lượt 10.0% và 25.7% svck. Áp lực giảm NIM sâu khiến thu nhập lãi thuần chỉ tăng nhẹ trong khi các khoản thu phí và thu hồi từ xử lý nợ vẫn là những trụ cột chính giúp thu nhập ngoài lãi thuần tăng khả quan hơn. Thu nhập từ phí ghi nhận mức tăng trưởng 12.4% svck trong đó nhóm NHTMCP có mức tăng hơn 23.5% trong khi nhóm NHTM quốc doanh ghi nhận giảm 11.4% svck. Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi trong cơ cấu thu nhập hoạt động toàn ngành cũng cải thiện lên mức 23.8% so với chỉ 21.4% cùng kỳ năm trước. Nhóm ngân hàng tư nhân có quy mô lớn có mức tăng thu nhập ngoài lãi đáng kể hơn so với phần còn lại nhờ tín dụng tăng trưởng tốt, khả năng bán chéo mạnh mẽ nhờ sở hữu hệ sinh thái toàn diện cùng với bộ đệm dự phòng lớn giúp đem về nguồn thu từ xử lý nợ khả quan hơn.

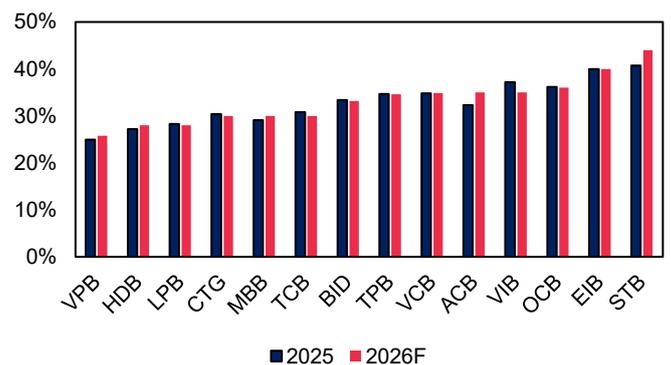
Trong năm 2026, chúng tôi dự báo thu nhập ngoài lãi của các ngân hàng theo dõi sẽ tăng 5.7% svck dựa trên (i) thu nhập từ phí sẽ khó tăng trưởng đáng kể trên nền cao của năm 2025 cùng với hạn mức tín dụng toàn ngành thấp hơn; (ii) thu nhập từ xử lý nợ dự kiến sẽ không quá khả quan khi chất lượng tài sản toàn ngành đã cải thiện đáng kể và bộ đệm trích lập của các ngân hàng không còn quá dồi dào để xử lý nợ. CIR toàn ngành cũng được dự báo sẽ duy trì ở mức quanh 31% trong năm 2026, tương đương cả năm 2025. Tổng quan, chúng tôi ước tính LNST các ngân hàng đang theo dõi tăng khoảng 19.9% svck (thấp hơn so với mức 22.3% svck trong dự báo lần trước) do giảm mục tiêu TTTD toàn ngành theo định hướng mới của NHNN kể từ đầu năm 2026.

Hình 17: Cơ cấu thu nhập hoạt động toàn ngành



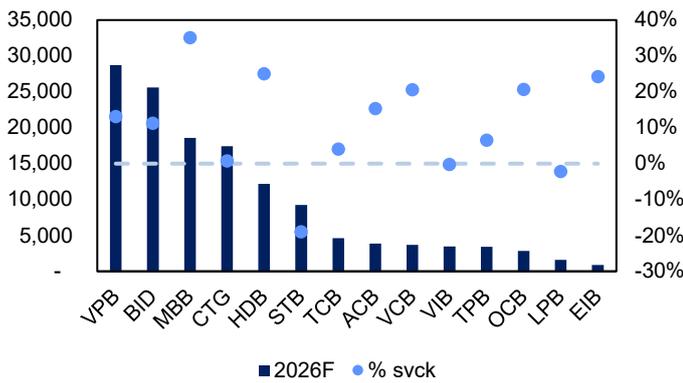
Nguồn: Các NHNY, MBS Research

Hình 18: CIR của các NHNY 2025/2026



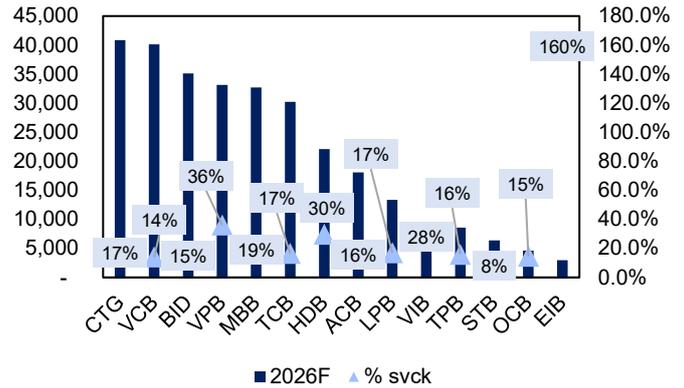
Nguồn: Các NHNY, MBS Research

Hình 19: Dự báo tăng trưởng chi phí trích lập toàn ngành



Nguồn: Các NHNY, MBS Research

Hình 20: Dự báo tăng trưởng LN các NHNY theo dõi

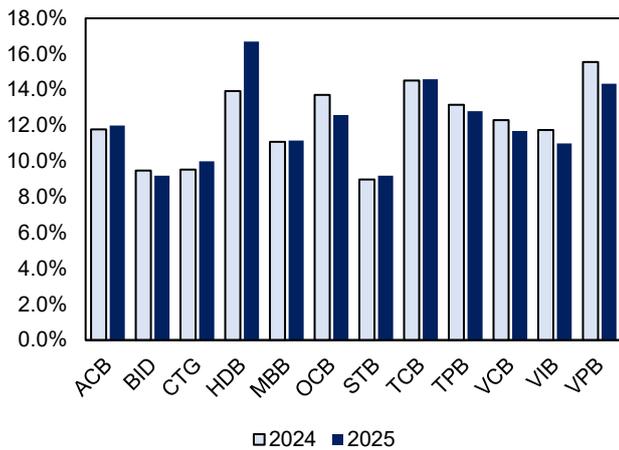


Nguồn: Các NHNY, MBS Research

Chúng tôi kỳ vọng các ngân hàng sẽ chú trọng hơn việc nâng cao bộ đệm vốn nhằm đảm bảo các quy định khắt khe hơn, hướng tới tiệm cận tiêu chuẩn Basel III, do vậy chúng tôi kỳ vọng các ngân hàng sẽ có xu hướng hạn chế trả cổ tức tiền mặt

- Chúng tôi cho rằng trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng cao trong hai năm vừa qua, cùng với việc tín dụng liên quan đến lĩnh vực bất động sản chiếm khoảng 28-30% tổng tín dụng, ngành ngân hàng càng phải chú trọng đến việc đảm bảo bộ đệm vốn vững chắc, để đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng. Trong bối cảnh đó, Thông tư 14/2025/TT-NHNN ra đời thay thế Thông tư 41/2016, nhằm siết chặt hơn các tiêu chuẩn vốn, tính toán rủi ro theo hướng tiệm cận Basel III. Vì vậy, các NHTM sẽ đối diện với áp lực cao hơn trong việc phải tiếp cận, áp dụng các tiêu chuẩn khắt khe hơn và nâng cao CAR.
- Đồng thời, việc cấp phép hoạt động sản xuất kinh doanh vàng cho các ngân hàng mở ra cơ hội mới, song cũng làm tăng yêu cầu duy trì bộ đệm vốn bền vững với các ngân hàng thực hiện nghiệp vụ này. Cùng với yêu cầu vốn cao hơn để phục vụ tăng trưởng tín dụng, chúng tôi cho rằng xu hướng gia tăng vốn cấp 1 và tiếp tục hạn chế chi trả cổ tức tiền mặt sẽ tiếp diễn toàn ngành trong năm 2026. Điều này giúp nâng cao mức độ an toàn vốn, đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn mới của Thông tư 14/2025, và tạo nền tảng cho tăng trưởng tín dụng bền vững trong trung hạn.
- Đầu năm 2026, BIDV đã tích cực hoàn thành việc tăng vốn thông qua phát hành riêng lẻ cho 33 nhà đầu tư chuyên nghiệp, ngoài ra, dự kiến chia cổ tức bằng cổ phiếu ngay sau khi thương vụ phát hành riêng lẻ hoàn thiện. Kế hoạch phát hành riêng lẻ 6.5% vốn điều lệ của VCB hiện vẫn đang trong quá trình thực hiện. Tháng 1/2026, VCB cũng đã phát đi thư mời báo giá tư vấn thẩm định giá độc lập cho đợt phát hành này.

Hình 21: CAR theo BASEL II các ngân hàng niêm yết theo dõi



Nguồn: Các NHNY, MBS Research

Hình 22: KH tăng vốn của các NHNY trong năm 2026

Ngân hàng	Phương thức	Tỷ lệ (%)	Dự kiến thực hiện
VCB	Phát hành riêng lẻ	6.50%	2025 - 2026
BID	Cổ tức cổ phiếu	19.90%	2025 - 2026
	Phát hành cổ phiếu từ quỹ dự trữ bổ sung VDL	7.10%	
HDB	Phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu	9.05%	2025 – Q2/2026
MBB	Phát hành riêng lẻ	62 triệu cp	2025 (chuyển tiếp từ 2024)
ACB	Cổ tức tiền mặt	10%	2026
	Cổ tức cổ phiếu	15%	
LPB	30% cổ tức cổ phiếu		2026
VIB	Cổ tức tiền mặt	9%	2026
	Cổ tức cổ phiếu	9.5%	
SHB	Phát hành riêng lẻ	200 triệu cổ phiếu	Q4/2025 - 2026
	Cổ tức cổ phiếu	10.00%	
	ESOP	1.97%	

Nguồn: Các NHNY, MBS Research

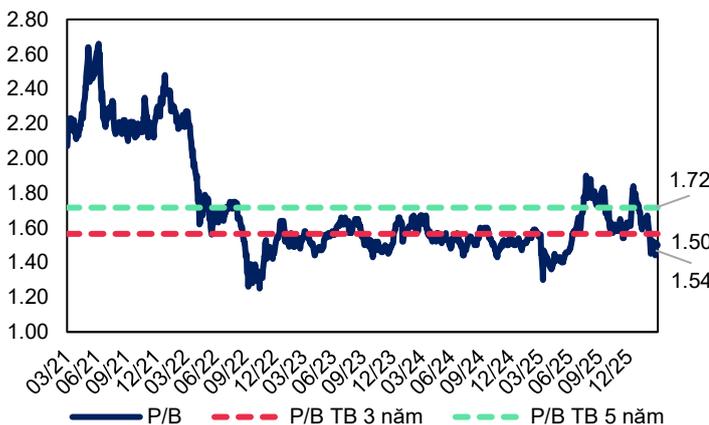
Định giá và khuyến nghị

Chúng tôi duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN đối với toàn ngành nhờ định giá điều chỉnh về vùng thấp, giảm 5% so với trung bình 1 năm trong khi triển vọng tăng trưởng lợi nhuận vẫn quanh mức 20%. Chúng tôi cho rằng nhóm ngân hàng có một trong những đặc điểm dưới đây sẽ diễn biến khả quan hơn so với toàn ngành:

- Được cấp hạn mức tín dụng cao hơn so với toàn ngành (nhóm NH nhận chuyển giao bắt buộc) hoặc không có tỷ trọng BĐS cao hoặc vẫn được hỗ trợ bởi thúc đẩy đầu tư công;
- Chất lượng tài sản cải thiện đáng kể giúp tiết giảm chi phí trích lập trước áp lực gia tăng nợ xấu do room tín dụng hạn chế hơn;
- Ngân hàng có quy mô lớn có thể cho vay các gói lớn và sở hữu lợi thế về chi phí vốn, từ đó gia tăng cạnh tranh tín dụng.

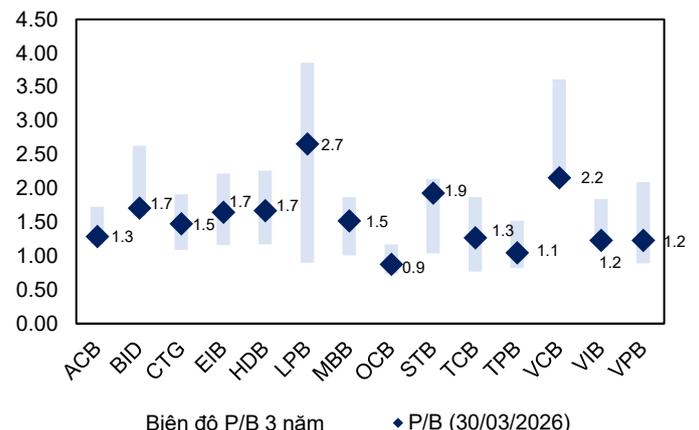
Do đó, chúng tôi giữ nguyên lựa chọn CTG, ACB và VPB.

Hình 23: P/B toàn ngành đang giảm về mức 1.5x, giảm lần lượt 3% và 11.6% so với bình quân 3 năm và 5 năm



Nguồn: FiinproX, MBS Research

Hình 24: P/B của một số ngân hàng vẫn dao động ở mức thấp trong biên độ 3 năm



Nguồn: FiinproX, MBS Research

Hình 25: So sánh các NHNY (giá đóng cửa ngày 30/03/2026)

Ngân hàng	Khuyến nghị	P/B đỉnh giá	P/E		P/B		Tăng trưởng LNST		ROE		ROA	
			2026	2027	2026	2027	2026	2027	2026	2027	2026	2027
ACB	KHẢ QUAN	1.5x	6.8x	5.5x	1.1x	0.9x	15.6%	22.9%	17.5%	18.0%	1.7%	1.9%
BID	KHẢ QUAN	2.0x	8.2x	7.3x	1.5x	1.2x	15.3%	14.7%	18.6%	18.3%	1.0%	1.0%
CTG	KHẢ QUAN	1.9x	6.5x	5.5x	1.3x	1.1x	17.1%	18.7%	20.9%	21.0%	1.4%	1.5%
EIB	TRUNG LẬP	1.5x	14.5x	9.1x	1.5x	1.1x	159.5%	59.4%	12.9%	13.4%	1.0%	1.4%
HDB	KHẢ QUAN	1.8x	5.8x	4.5x	1.3x	1.0x	29.7%	31.4%	25.5%	25.9%	2.1%	2.2%
LPB	N/A	N/A	9.4x	8.0x	2.1x	1.7x	16.9%	17.0%	25.0%	23.3%	2.0%	2.1%
MBB	N/A	N/A	6.5x	4.9x	1.2x	1.0x	19.4%	32.0%	20.7%	22.2%	1.8%	1.9%
OCB	N/A	N/A	6.4x	5.1x	0.8x	0.7x	14.6%	24.9%	12.7%	13.9%	1.4%	1.5%
STB	N/A	N/A	18.0x	11.3x	1.8x	1.5x	7.9%	59.1%	14.4%	15.1%	1.0%	1.1%
TCB	KHẢ QUAN	1.7x	7.3x	6.2x	1.1x	0.9x	16.5%	17.9%	16.4%	16.4%	2.4%	2.4%
TPB	KHẢ QUAN	1.2x	5.2x	4.5x	0.9x	0.7x	15.9%	16.0%	17.1%	16.7%	1.6%	1.7%
VCB	KHẢ QUAN	2.3x	12.1x	10.6x	1.8x	1.6x	14.0%	13.8%	16.3%	16.0%	1.5%	1.6%
VIB	KHẢ QUAN	1.5x	6.2x	5.0x	1.0x	0.9x	27.9%	23.4%	18.2%	18.8%	1.6%	1.7%
VPB	KHẢ QUAN	1.6x	6.3x	4.9x	1.0x	0.9x	36.1%	28.6%	16.9%	18.2%	2.3%	2.2%
TB các NHTMCP Nhà nước		2.1x	8.9x	7.8x	1.5x	1.3x	15.5%	15.8%	18.6%	18.4%	1.3%	1.4%
TB các NHTMCP tư nhân		1.5x	8.4x	6.3x	1.2x	1.0x	23.0%	27.0%	17.9%	18.4%	1.7%	1.8%
Trung bình		1.7x	8.5x	6.6x	1.3x	1.1x	19.9%	22.6%	18.1%	18.4%	1.6%	1.7%

Nguồn: MBS Research

Hình 26: Tổng hợp dự báo KQKD của các ngân hàng theo dõi

Chỉ tiêu tài chính	VCB		BID		CTG		VPB		TCB		STB	
	2026F	2027F	2026F	2027F	2026F	2027F	2026F	2027F	2026F	2027F	2026F	2027F
Tổng thu nhập HĐ	82,715	94,024	104,010	120,388	97,627	114,777	94,494	118,879	60,895	71,537	31,165	35,902
% svck	5.5%	14.3%	12.7%	13.9%	6.6%	11.8%	19.9%	26.6%	13.6%	14.1%	11.8%	-2.8%
Thu nhập lãi thuần	68,799	79,316	76,478	92,289	75,787	87,550	76,809	99,407	44,602	52,837	25,635	29,993
Thu nhập thuần ngoài lãi	13,916	14,708	27,531	28,099	21,839	27,227	17,685	19,472	16,292	18,700	5,529	5,909
Chi phí trích lập	3,677	4,444	25,590	30,327	17,432	20,079	28,722	35,533	4,600	5,256	9,224	7,375
% svck	20.6%	20.9%	11.3%	18.5%	0.8%	15.2%	13.1%	23.7%	4.1%	14.3%	-19.0%	-20.0%
LNST	40,126	45,669	35,145	40,306	40,825	48,460	33,149	42,618	30,241	35,646	6,406	10,191
% svck	14.0%	13.8%	15.3%	14.7%	17.1%	18.7%	36.1%	28.6%	16.5%	17.9%	7.9%	59.1%
TTTTD	13.0%	12.7%	13.4%	13.1%	15.8%	14.6%	34.6%	27.5%	14.5%	15.1%	11.5%	16.3%
Tăng trưởng huy động	14.3%	13.0%	14.4%	13.9%	15.8%	18.0%	38.9%	27.2%	14.2%	16.9%	11.6%	13.9%
LDR	97.4%	96.7%	83.1%	84.9%	87.4%	87.0%	124.9%	125.2%	85.9%	83.9%	82.9%	88.7%
CASA	35.1%	34.2%	22.0%	22.2%	25.4%	24.8%	14.3%	14.1%	33.7%	32.3%	14.6%	14.5%
NIM	2.7%	2.8%	2.2%	2.4%	2.7%	2.8%	5.3%	5.3%	3.8%	3.9%	2.7%	2.9%
CIR	34.9%	34.6%	33.2%	33.0%	30.0%	30.0%	25.8%	25.3%	30.0%	30.0%	44.0%	43.0%
NPL	0.5%	0.5%	1.4%	1.3%	1.1%	1.1%	3.4%	3.3%	1.1%	1.1%	4.9%	3.8%
LLR	259.2%	235.0%	91.6%	86.7%	155.2%	151.4%	56.8%	60.3%	124.8%	130.9%	83.9%	116.0%
ROE	16.3%	16.0%	18.6%	18.3%	20.9%	21.0%	16.9%	18.2%	16.4%	16.4%	14.4%	15.1%
ROA	1.5%	1.6%	1.0%	1.0%	1.4%	1.5%	2.3%	2.2%	2.4%	2.4%	1.0%	1.1%
EPS	4,800	5,464	4,830	5,440	5,233	6,211	4,131	5,324	4,158	4,902	3,398	5,406
BVPS	31,679	36,780	27,185	31,910	27,105	32,011	25,294	30,618	28,155	33,056	34,968	40,065

Chỉ số tài chính	<u>ACB</u>		<u>TPB</u>		<u>HDB</u>		<u>VIB</u>		<u>EIB</u>		<u>OCB</u>	
	2026F	2027F										
Tổng thu nhập HD	40,699	46,905	21,571	24,679	55,632	71,235	23,242	28,341	9,724	11,631	13,495	15,409
% svck	0.8%	20.4%	5.2%	13.7%	25.4%	30.3%	-2.7%	16.2%	-0.8%	14.5%	15.3%	16.2%
Thu nhập lãi thuần	32,054	36,782	14,941	17,186	47,313	60,671	18,492	22,430	6,784	8,300	10,491	11,821
Thu nhập thuần ngoài lãi	8,645	10,123	6,629	7,493	8,318	12,656	4,750	5,911	2,940	3,331	3,004	3,588
Chi phí trích lập	3,847	3,648	3,411	3,839	12,194	14,680	3,460	4,046	891	1,073	2,853	2,791
% svck	15.4%	-5.2%	6.5%	12.6%	25.1%	20.4%	-0.2%	16.9%	24.3%	20.4%	20.7%	-2.2%
LNST	18,070	22,203	8,556	9,923	22,123	29,070	9,320	11,504	2,950	4,703	4,618	5,768
% svck	15.6%	22.9%	15.9%	16.0%	29.7%	31.4%	27.9%	23.4%	159.5%	59.4%	14.6%	24.9%
TTTTD	15.1%	18.2%	13.6%	12.9%	29.5%	31.5%	16.7%	19.1%	16.4%	19.5%	15.3%	15.1%
Tăng trưởng huy động	16.5%	18.2%	13.1%	10.6%	26.9%	27.9%	18.4%	17.6%	19.1%	20.2%	18.1%	19.1%
LDR	84.2%	84.3%	91.3%	93.3%	72.8%	74.7%	81.9%	81.5%	81.9%	85.0%	77.0%	82.1%
CASA	21.0%	21.1%	22.4%	22.5%	11.6%	10.9%	14.2%	13.9%	12.1%	11.6%	9.2%	8.5%
NIM	3.1%	3.2%	2.9%	3.0%	5.0%	5.0%	3.2%	3.4%	2.4%	2.5%	3.1%	3.2%
CIR	35.0%	33.0%	34.6%	34.2%	28.0%	28.0%	35.0%	35.0%	40.0%	40.0%	36.0%	35.0%
NPL	1.0%	1.0%	1.3%	1.2%	2.4%	2.0%	2.8%	2.6%	2.8%	2.9%	2.8%	2.3%
LLR	120.9%	124.2%	95.9%	110.2%	60.1%	70.0%	49.8%	56.4%	37.6%	35.5%	69.9%	90.3%
ROE	17.5%	18.0%	17.1%	16.7%	25.5%	25.9%	18.2%	18.8%	12.9%	13.4%	12.7%	13.9%
ROA	1.7%	1.9%	1.6%	1.7%	2.1%	2.2%	1.6%	1.7%	1.0%	1.4%	1.4%	1.5%
EPS	3,518	4,322	3,084	3,577	4,309	5,663	2,738	3,379	1,584	2,525	1,734	2,166
BVPS	21,890	26,183	18,327	21,904	19,509	25,309	16,390	19,608	15,580	20,075	14,465	16,612

Nguồn: MBS Research

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CPCK MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Nghiêm Phú Cường

Ngô Quốc Hưng

Đình Hà Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đình Công Luyện

Phạm Thị Thanh Hương

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Phạm Thị Thanh Huyền

Logistics – Cảng biển

Võ Đức Anh

Công nghiệp – Năng lượng

Nguyễn Hà Đức Tùng

Mai Duy Anh

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly